

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 05 – 01 – 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên (có mặt).

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Nh, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Kh A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Kh A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Trung – Văn phòng Luật sư Quốc Khởi thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn Th1, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Bà Bùi Kim Ph, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2B, xã Kh BĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Lê Văn Th1 và bà Bùi Kim Ph có hỏi vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, cụ thể Nh sau:

Ngày 24/01/2018 âm lịch, vay 50.000.000đ;

Ngày 21/02/2018 âm lịch, vay 50.000.000đ;

Ngày 18/3/2018 âm lịch, vay 50.000.000đ;

Ngày 27/3/2018 âm lịch, vay 50.000.000đ;

Ngày 06/6/2018 âm lịch, vay 50.000.000đ.

Khi vay, ông Th1, bà Ph có ký biên nhận nợ cho chị Nh, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Quá trình vay, ông Th1 và bà Ph không trả lãi và vốn cho chị Nh mà bỏ địa phương đi đến nay.

Từ nội dung trên, chị Nh yêu cầu ông Th1 và bà Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Nh tiền gốc 250.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng, tính tròn 22 tháng với số tiền 91.300.000đ.

* Đối với ông Lê Văn Th1 và bà Bùi Kim Ph: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông Th1 và bà Ph vẫn không đến tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Huỳnh Nh buộc ông Th1 và bà Ph có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền gốc 250.000.000đ, lãi suất theo quy định và chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông Th1 và bà Ph vẫn không đến tham gia phiên tòa đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th1, bà Ph theo quy định. Về loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các biên nhận vay tiền thể hiện tổng số tiền ông Th1 và bà Ph vay của chị Nh là 250.000.000đ. Căn cứ kết luận giám định số: 197/GĐ-PC09 ngày 12/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định chữ ký, chữ viết họ tên Lê Văn Th1 trong các giấy cho vay tiền là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định ông Lê Văn Th1 và bà Bùi Kim Ph còn nợ chị Lê Huỳnh Nh 250.000.000đ tiền gốc nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng là phù hợp.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù trong các giấy cho vay tiền, bà Ph có ký và ghi họ tên nhưng cơ quan chuyên môn chưa xác định được các chữ ký và viết họ tên đó có phải do cùng một người ký và viết ra không. Tuy nhiên, từ thời điểm ông Th1 vay nợ đến nay, giữa ông Th1 và bà Ph vẫn còn mối quan hệ vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, đang sống chung, cùng làm ăn và sinh hoạt chung trong gia đình; việc giao dịch vay nợ của ông Th1 cũng nhằm mục đích kinh doanh mua bán, phục vụ cho trang trải, sinh hoạt của gia đình. Hơn nữa, số tiền nợ rất lớn, mục đích sử dụng nợ để mua bán cho gia đình nên buộc bà Ph phải biết về khoản nợ này. Do vậy, buộc bà Ph và ông Th1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Nh là hoàn toàn có căn cứ. Việc ông Th1 và bà Ph không có ý kiến phản hồi và không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông, bà phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với lãi suất: Quá trình vay nợ, chị Nh xác định bà Ph và ông Th1 chưa thanh toán khoản lãi nào cho chị. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị Nh yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, trong thời hạn 22 tháng trên số tiền gốc 250.000.000đ bằng 91.300.000đ tiền lãi. Xét thấy, các khoản nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là trên 30 tháng nhưng đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn 22 tháng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định việc ông Th1 và bà Ph vay tiền của chị Nh là thực tế có diễn ra, có giấy cho vay tiền được ông Th1, bà Ph ký nhận và được cơ quan chuyên môn kết luận chữ ký của ông Th1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh buộc ông Th1 và bà Ph phải trả nợ theo yêu cầu của chị Nh.

[6] Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị Nh nên buộc bà Ph và ông Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị Nh được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên chị được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh Nh – buộc ông Lê Văn Th1 và bà Bùi Kim Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nh tổng số tiền 341.300.000đ. Trong đó, gốc 250.000.000đ, lãi 91.300.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án cho đến khi Th hành án xong, bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Văn Th1 và bà Bùi Kim Ph phải chịu 17.065.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Lê Huỳnh Nh không phải chịu án phí, ngày 10 tháng 3 năm 2020, chị Nh đã nộp tạm ứng án phí 7.750.000đ theo biên lai số: 3409 tại Chi cục Th hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Chị Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th1 và bà Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải

